

Phụ lục I

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	>1,5

Phụ lục II

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

TT	Chương trình	Tỉnh giao	Địa phương giao			Ghi chú
			Tổng số	Phân bổ đợt này	Phân bổ sau khi đủ điều kiện (*)	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	13.762,0	13.762,0	13.762,0		Chi tiết tại Phụ lục III

Phụ lục III

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần														
			Dự án 2	Dự án 3		Dự án 4			Dự án 5	Dự án 6			Dự án 7				
				Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án	Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án	Tổng cộng		Chi tiết tiểu dự án	Tổng cộng	Chi tiết tiểu dự án					
					TDA 1		TDA 2			TDA 1		TDA 3	TDA 1	TDA 2	TDA 1		TDA 2
1	Huyện Sa Thầy	13.762,0	5.484,0	3.014,0	2.215,0	799,0	3.839,0	2.897,0	942,0		565,0	374,0	191,0	860,0	588,0	272,0	Chi tiết tại Phụ lục III.1

Ghi chú:

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

- 1 Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
 - *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo*
- 2 Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
- 3 Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
 - *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*
 - *Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*
- 4 Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
 - *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*
 - *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*
 - *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*
- 5 Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo
- 6 Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
 - *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*
 - *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*
- 7 Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
 - *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*
 - *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

Phụ lục III.1

**PHÂN BỐ CHI TIẾT DỰ TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SA THẦY**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Phân bổ kỳ này	Ghi chú
	TỔNG KINH PHÍ			13.762,0	
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo			5.484,0	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	2025	440,0	
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	2025	383,0	
3	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	2025	440,0	
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	2025	383,0	
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	2025	556,0	
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	2025	498,0	
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	2025	498,0	
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	2025	556,0	
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	2025	614,0	
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	2025	556,0	
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	2025	560,0	
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng			3.014,0	
II.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp			2.215,0	
(1)	Cấp huyện	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2025	45,0	
(2)	Cấp xã			2.170,0	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	2025	175,0	
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	2025	151,0	
3	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	2025	174,0	
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	2025	151,0	
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	2025	220,0	
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	2025	197,0	
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	2025	197,0	
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	2025	220,0	
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	2025	243,0	
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	2025	220,0	
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	2025	222,0	
II.2	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ Cải thiện dinh dưỡng			799,0	
(1)	Cấp huyện	Phòng Y tế	2025	79,0	
(2)	Cấp xã			720,0	

TT	Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Phân bổ kỳ này	Ghi chú
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	2025	48,0	
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	2025	50,0	
3	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	2025	48,0	
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	2025	41,0	
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	2025	75,0	
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	2025	79,0	
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	2025	79,0	
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	2025	88,0	
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	2025	83,0	
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	2025	75,0	
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	2025	54,0	
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững			3.839,0	
III.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn			2.897,0	
1	Trung tâm GDNN - GDTX	Trung tâm GDNN - GDTX	2025	1.562,0	
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2025	1.335,0	
III.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			942,0	
(1)	Cấp huyện	Phòng Nội vụ	2025	94,0	
(2)	Cấp xã			848,0	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	2025	76,0	
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	2025	76,0	
3	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	2025	76,0	
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	2025	76,0	
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	2025	76,0	
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	2025	76,0	
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	2025	76,0	
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	2025	76,0	
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	2025	76,0	
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	2025	76,0	
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	2025	88,0	
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin			565,0	
IV.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin			374,0	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	2025	33,0	
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	2025	28,0	
3	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	2025	33,0	

TT	Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Phân bổ kỳ này	Ghi chú
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	2025	28,0	
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	2025	36,0	
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	2025	32,0	
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	2025	32,0	
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	2025	36,0	
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	2025	40,0	
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	2025	36,0	
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	2025	40,0	
IV.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều			191,0	
(1)	Cấp huyện	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2025	66,0	
(2)	Cấp xã			125,0	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	2025	11,0	
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	2025	9,0	
3	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	2025	11,0	
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	2025	9,0	
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	2025	12,0	
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	2025	11,0	
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	2025	11,0	
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	2025	12,0	
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	2025	13,0	
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	2025	12,0	
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	2025	14,0	
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			860,0	
V.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			588,0	
a)	Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo (Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện)	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2025	176,0	
b)	Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo cấp xã		2025	412,0	
1	Xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	2025	35,0	
2	Xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	2025	31,0	
3	Xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	2025	36,0	
4	Xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	2025	31,0	
5	Xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	2025	40,0	
6	Xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	2025	35,0	
7	Xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	2025	35,0	
8	Xã Rờ Koi	UBND xã Rờ Koi	2025	40,0	

TT	Đơn vị	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Phân bổ kỳ này	Ghi chú
9	Xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	2025	44,0	
10	Xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	2025	40,0	
11	Thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	2025	45,0	
V.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án thành phần)			272,0	
(1)	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2025	82,0	
(2)	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp xã, thị trấn			190,0	
1	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Sa Bình	UBND xã Sa Bình	2025	17,0	
2	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Sa Nghĩa	UBND xã Sa Nghĩa	2025	14,0	
3	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Sa Nhơn	UBND xã Sa Nhơn	2025	17,0	
4	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Sa Sơn	UBND xã Sa Sơn	2025	14,0	
5	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ya Xiêr	UBND xã Ya Xiêr	2025	18,0	
6	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ya Ly	UBND xã Ya Ly	2025	16,0	
7	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Ya Tăng	UBND xã Ya Tăng	2025	16,0	
8	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Rờ Kơi	UBND xã Rờ Kơi	2025	18,0	
9	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Mô Rai	UBND xã Mô Rai	2025	21,0	
10	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã Hơ Moong	UBND xã Hơ Moong	2025	18,0	
11	Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG thị trấn Sa Thầy	UBND thị trấn Sa Thầy	2025	21,0	